

1. MÔN TOÁN 8 – TUẦN 7

**Tiết 13,14. Bài 9: PHÂN TÍCH ĐA THỨC THÀNH NHÂN TỬ BẰNG CÁCH
PHỐI HỢP NHIỀU PHƯƠNG PHÁP + LUYỆN TẬP**

1. Ví dụ:

Phân tích đa thức sau thành nhân tử:

a) $5x^3 + 10x^2y + 5xy^2$.

b) $x^2 - 2xy + y^2 - 9$.

Giải:

a) $5x^3 + 10x^2y + 5xy^2 = 5x(x^2 + 2xy + y^2) = 5x(x + y)^2$

b) $x^2 - 2xy + y^2 - 9 = (x^2 - 2xy + y^2) - 3^2 = (x - y)^2 - 3^2 = (x - y - 3)(x - y + 3)$

?2. $2x^3y - 2xy^3 - 4xy^2 - 2xy$

$= 2xy(x^2 - y^2 - 2y - 1)$

$= 2xy[x^2 - (y^2 + 2y + 1)]$

$= 2xy[x^2 - (y + 1)^2]$

$= 2xy(x - y - 1)(x + y + 1)$

2. Áp dụng:

?1. Ta có $x^2 + 2x + 1 - y^2 = (x + 1)^2 - y^2 = (x + 1 + y)(x + 1 - y)$

Thay $x=94,5$ và $y=4,5$ ta được:

$x^2 + 2x + 1 - y^2 = (x + 1 + y)(x + 1 - y) = (94,5 + 1 + 4,5)(94,5 + 1 - 4,5) = 91.100 = 9100$.

Bài 51/SGK trang 24.

a) $x^3 - 2x^2 + x = x(x^2 - 2x + 1) = x(x - 1)^2$.

Bài 53/SGK trang 24.

a) $x^2 - 3x + 2 = x^2 - x - 2x + 2 = x(x - 1) - 2(x - 1) = (x - 1)(x - 2)$.

Bài 55/SGK trang 25.

a) $x^3 - \frac{1}{4}x = 0$

$\Leftrightarrow x\left(x^2 - \frac{1}{4}\right) = 0$

$\Leftrightarrow x\left(x - \frac{1}{2}\right)\left(x + \frac{1}{2}\right) = 0$

$$\Leftrightarrow \begin{cases} x = 0 \\ x - \frac{1}{2} = 0 \\ x + \frac{1}{2} = 0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x = 0 \\ x = \frac{1}{2} \\ x = -\frac{1}{2} \end{cases}$$

Vậy $x=0$; $x=\frac{1}{2}$; $x=-\frac{1}{2}$.

Bài tập về nhà: Bài 52; Bài 54; Bài 58/ SGK trang 24,25.

1. Hai điểm đối xứng qua một đường thẳng:

?1

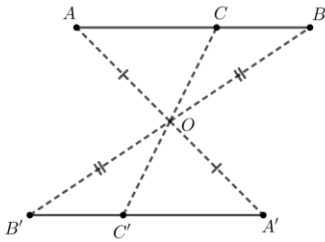


Định nghĩa: Hai điểm gọi là đối xứng với nhau qua điểm O nếu O là trung điểm của đoạn thẳng nối hai điểm đó.

Qui ước: Điểm đối xứng với điểm O qua điểm O cũng là điểm O .

2. Hai hình đối xứng qua một điểm:

?2



Định nghĩa: Hai hình gọi là đối xứng với nhau qua điểm O nếu mỗi điểm thuộc hình này đối xứng với mỗi điểm thuộc hình kia qua điểm O và ngược lại.

Điểm O gọi là tâm đối xứng của hai hình đó.

Chú ý: Nếu hai đoạn thẳng (góc, tam giác) đối xứng với nhau qua một điểm thì chúng bằng nhau.

3. Hình có tâm đối xứng:

?3. – Hình đối xứng với cạnh AB qua điểm O là cạnh CD .

– Hình đối xứng với cạnh BC qua điểm O là cạnh DA .

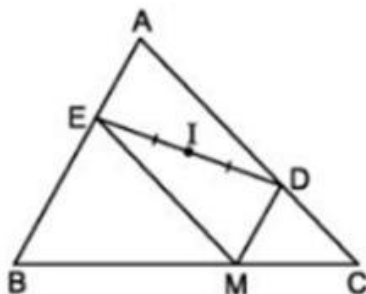
– Hình đối xứng với cạnh CD qua điểm O là cạnh AB .

– Hình đối xứng với cạnh DA qua điểm O là cạnh BC .

Định nghĩa: Điểm O gọi là tâm đối xứng của hình H nếu điểm đối xứng với mỗi điểm thuộc hình H qua điểm O cũng thuộc hình H .

Định lí: Giao điểm hai đường chéo cũng hình bình hành là tâm đối xứng của hình bình hành đó.

Bài 53/SGK trang 96.



Hình 82

Vì $MD \parallel AB$, $ME \parallel AC$ nên tứ giác $AEMD$ là hình bình hành.(1)

Ta có $IE = ID$, suy ra I là trung điểm của ED .(2)

Từ (1) và (2) suy ra I là trung điểm của AM .

Do đó điểm A đối xứng với điểm M qua điểm I .

Bài tập về nhà: Bài 54; Bài 55/ SGK trang 96

2. MÔN NGỮ VĂN 8 – TUẦN 7

TIẾT 25,26 – TLV: LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN TỰ SỰ KẾT HỢP VỚI MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM

I. Từ sự việc và nhân vật đến đoạn văn tự sự có yếu tố miêu tả và biểu cảm.

1. Ví dụ: (Các em đọc ví dụ SGK)

2. Nhận xét:

* Những yếu tố cần thiết xây dựng đoạn văn tự sự.

- Sự việc (hành vi, hành động)

- Nhân vật chính.

* Vai trò của các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn tự sự.

- Sự việc dễ hiểu, hấp dẫn, nhân vật gần gũi, sinh động hơn.

- Hỗ trợ cho sự việc và nhân vật chính.

* Quy trình xây dựng đoạn văn tự sự:

Bước 1: Lựa chọn sự việc chính.

Bước 2: Lựa chọn ngôi kể.

- Ngôi thứ nhất số ít xưng tôi, anh, em...

- Ngôi thứ nhất số nhiều xưng chúng tôi.

- Ngôi thứ 3: Người kể giấu mình đi.

Bước 3: Xác định thứ tự kể.

* Mở đầu: Cảm tưởng, nhận xét

* Diễn biến: Kể lại chi tiết có xen tả và biểu cảm.

* Kết thúc: Suy nghĩ cảm xúc của bản thân.

Bước 4: Xác định yếu tố miêu tả và biểu cảm dùng trong đoạn văn tự sự.

Bước 5: Viết đoạn văn

II. Luyện tập : Các em làm các bài tập sau

* BT1: Tìm trong truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao đoạn văn kể giây phút Lão Hạc sau khi bán con, bán chó, sang nhà ông giáo báo cho ông giáo biết.

- Chỉ ra những yếu tố miêu tả và biểu cảm trong đoạn văn. Những yếu tố đã giúp Nam Cao thể hiện được điều gì?

* BT 2: Cho sự việc và nhân vật sau:

Sau khi bán chó Lão Hạc sang báo cho ông giáo biết.

- Đóng vai ông giáo để viết đoạn văn kể lại giây phút ấy với vẻ mặt và tâm trạng đau khổ. So sánh đoạn văn của em và đoạn văn của Nam

Cao.

- Chỉ ra xem đoạn văn em đã kết hợp được các yếu tố miêu tả và biểu cảm chưa?

Hướng dẫn về nhà: 1'

- Học thuộc phân ghi nhớ .

- Chuẩn bị bài : *Chiếc lá cuối cùng* .

Tiết 27 - 28 :Văn bản:
CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG(Trích)
(Ô Hen-ri)

I/ Giới thiệu tác giả – tác phẩm

1.Tác giả

- O Hen-ri (1862 -1910)

- Là nhà văn Mỹ, chuyên viết truyện ngắn.

- Có lòng thông cảm đối với người nghèo bất hạnh.

2/ Tác phẩm. (sgk)

- Đoạn trích là phần cuối của tác phẩm.

II. Đọc – tìm hiểu chung

1. Đọc, tóm tắt đoạn trích

2. Từ khó:

3. Bố cục 3 phần

4. Phương thức biểu đạt:

TS + MT + BC

III./Tìm hiểu văn bản:

1/ Diễn biến tâm trạng của Giôn-xi.

a/ Giôn-xi đợi cái chết.

- Giọng thều thào, mắt thần thờ-> yếu đuối, cạn kiệt cả sức sống.

-Chờ chiếc lá cuối cùng rụng ->Nghĩ đến cái chết.

=> Chán nản, không còn tin vào sự sống của mình.

=> Tâm hồn cô đơn, tuyệt vọng.

b. Giôn-xi vượt qua cái chết.

- Qua đêm mưa gió chiếc lá vẫn còn.=>>Thấy mình tệ, tự phê bình mình.

- Đòi ăn, soi gương, uống sữa, ngồi dậy, đặc biệt là muốn vẽ vịnh Na plơ.=>Muốn được sống và hoạt động.

=> Chiếc lá là động lực thúc đẩy niềm tin, tình yêu sự sống cho Giôn-xi.

2 .Tình thương yêu của Xiu.

- Lo sợ khi thấy chiếc lá thường xuân đã rụng gần hết.-> Sợ Giôn-xi chết.

- Động viên, an ủi, chăm sóc Giôn-xi tận tình.

=> Tấm lòng nhân ái, thấm đượm tình người.

3/ Kiệt tác của Bơ-men.

- Cụ Bơ-men: là họa sĩ nghèo, khát vọng vẽ một bức tranh kiệt tác.

- Lo lắng cho số phận của Giôn-xi.-> Lắng lặng vẽ chiếc lá cuối cùng để cứu Giôn-xi.-

>Cụ chết vì sưng phổi.=> Cao thượng, quên mình vì người khác.

*** Chiếc lá cuối cùng là một kiệt tác vì:**

+ Sinh động, giống như thật.

+ Có giá trị nhân sinh rất cao (cứu một mạng người).

+ Phải trả bằng cái giá rất đắt (cướp đi một mạng người).

+ Thể hiện quy luật nghiệt ngã của nghệ thuật.-> Nghệ thuật vì sự sống của con người.

=> Chiếc lá được vẽ bằng cả tình thương bao la và lòng hi sinh cao thượng.

IV/ Tổng kết :

1/ Nghệ thuật:

- Đảo ngược tình huống.

- Kết thúc độc đáo, bất ngờ.

- Xây dựng tình tiết hấp dẫn, chặt chẽ, khéo léo.

2. Nội dung.

- Là câu chuyện cảm động về tình thương yêu giữa những người nghệ sĩ nghèo. Qua đó tác giả thể hiện quan niệm của mình về mục đích của sáng tạo nghệ thuật.

***/Ghi nhớ (sgk T 90)**

V. Luyện tập (Các em về nhà làm phần này)

Giả sử em rơi vào hoàn cảnh như Giôn-xi em sẽ xử sự như thế nào?

Em có suy nghĩ gì về sức mạnh của nghệ thuật chân chính?

***Hướng dẫn về nhà:**

Học bài và chuẩn bị bài : Chương trình địa phương

3. MÔN ANH 8 – TUẦN 7

Week 7: Unit 3 (Skills 1, Skills 2, Looking back)

Period: 19,20,21

UNIT 3: PEOPLES OF VIET NAM

D. SKILLS 1

I. READING

1. Work in pairs. Answer the questions the questions.

1. They live in the provinces of Lai Chau, Son La, Yen Bai, Hoa Binh, Thanh Hoa and Nghe An.
2. One and a half million people.

2. Complete each sentence, using a word from the text.

1. farmers 2. bamboo 3. stilt 4. songs 5. Ceremonies

3. Answer the questions.

1. Yes, they do.
2. Their main food is rice.
3. It is well-known for being unique, colourful and strong.
4. Thai women do.
5. They worship their ancestors.

II. SPEAKING

4. Read some facts about the Bru- Van Kieu people and Khmer people. (at home)

5. Talk about YOUR own group. (at home)

E. SKILLS 2

I. LISTENING

1. Answer the questions.

2. Listen and tick T/ F.

- 1.T 2.F 3.T 4.F 5.F

3. Listen again and complete the sentences.

- 1.mountainous 2.purple/black 3.natura 4.plants 5.ceremonies

II. WRITING: How to make yellow sticky rice

4. Read the notes on how to make yellow sticky rice. (Textbook)

5. Change the notes in to cooking steps to show a foreign visitor how to make yellow sticky rice.

a. Organising your ideas

*** Introducing**

- Trong phần giới thiệu của bài viết về một món ăn, chúng ta thường dùng các câu dẫn dắt. Trong câu này nên bao hàm luôn tên món ăn.

Example: This is a very easy dish to make.

Try this delicious recipe.

It is very simple to make “Xoi Gac” – the unique red sticky rice if you follow these steps.

*** Signposting the cooking steps**

- Để trình bày các bước nấu món ăn một cách dễ hiểu, các em cần sử dụng các liên từ thể hiện trình tự thời gian như: First, ... Second, ... Then, ... Next, ... After that, ... Finally, ...

- Ngoài ra có thể dùng các câu có chứa '**Once, After, Before**'. Lưu ý, sau **once, after** hoặc **before**; chúng ta có thể sử dụng mệnh đề đầy đủ cả chủ ngữ và vị ngữ, mà thường là dạng câu bị động, hoặc sử dụng dạng đuôi **-ing** của động từ.

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 7

Example: Once the rice is drained, add the salt.
After the rice is drained, add the salt.
Before adding the salt, drain the rice.

* Giving advice

- Khi đưa ra lời khuyên các em có thể viết câu bắt đầu bằng: "**Remember to ...**", "**Don't forget to ...**", hoặc gợi ý "**Try to ...**".

* Concluding

- Trong phần kết cuối cùng, thường chúng ta sẽ miêu tả cách trình bày món ăn khi đã hoàn thành. Có thể sử dụng các cụm từ như:

Example: Serve this dish with
This dish is delicious with

b. Sample cooking steps.

This delicious dish is really easy to make. First, you need to soak the rice in water for at least five hours. Then rinse the rice and drain it well. Next, add the turmeric extract and mix it well. Then wait for 10 minutes. After that, add the coconut and salt. Remember to mix it well. Finally, steam the rice for 30 minutes. Check that it is fully cooked. You can serve this dish with chicken

G. LOOKING BACK & PROJECT

I. VOCABULARY

1. Complete the sentences

1.cultural group 2.communal /activities 3.costumes /diverse 4.ethnic
5.unique

2. Use the correct form of the words in brackets to finish the sentences.

1.cutural 2.peacful 3.richness 4.diversity 5.traditional

II. GRAMMAR

3. Make questions.

1. What are these houses built on?
2. Where is the entrance?
3. Which house is the largest, tallest and most elaborate building in the village?
4. What is it used for?
5. Who can sleep in this house?

4. Find and correct the error

1. a->the 2. a->the 3. an->the
4. the semi-nomadic life->a semi-nomadic life 5. an->the

5. Fill each gap with a, an, or the to complete the passage.

1.an 2.a 3.the 4.the 5.the 6.the

III. Communication

6. Game: Cultural Knowledge Challenge

A: Are you ready?

B: Yes.

A: What is the population of the largest ethnic group?

B: About 74 million. It's the Viet or Kinh.

A: Very good! Your turn.

B: OK. What is the population of the smallest group?

A: I think it's the Odu group.

B: Exactly!

A: So how many ethnic groups does our country have?

B: 54 ethnic groups.

A: Right!

B: And Where is the Museum of Ethology?

A: It's in Ha Noi.

FISHISHED! NOW I CAN....

- talk about different ethnic groups
- ask and answer different question types
- use articles: a, an, and the
- pronounce words containing clusters /sk/, /sp/, and /st/ correctly in isolation and in sentences
- write a paragraph about how to cook a traditional dish

*** HOMEWORK**

- Learn Vocabulary & Grammar by heart.
- Do the exercises in your Workbook.
- Prepare the next lesson.

4. MÔN VẬT LÝ 8 – TUẦN 7

Bài 6: LỰC MA SÁT

I. Khi nào có lực ma sát

1. Lực ma sát trượt

Lực ma sát trượt sinh ra khi 1 vật trượt trên bề mặt của vật khác.

2. Lực ma sát lăn

Lực ma sát lăn sinh ra khi 1 vật lăn trên bề mặt của một vật khác.

3. Lực ma sát nghỉ

Lực ma sát nghỉ giữ cho vật không trượt khi vật bị tác dụng của các lực khác.

Đặc điểm của lực ma sát nghỉ:

+ Cường độ thay đổi tùy theo lực tác dụng lên vật.

+ Luôn có tác dụng giữa vật ở trong trạng thái cân bằng khi có lực tác dụng lên vật.

II. Lực ma sát trong đời sống và kỹ thuật

1. Lực ma sát có thể có hại

Lực ma sát làm nóng và làm mòn vật, cản trở chuyển động.

Biện pháp làm giảm ma sát: bôi trơn, làm nhẵn bề mặt, lắp vòng bi, lắp bánh xe con lăn

2. Lực ma sát có thể có ích

Khi cần mài mòn vật, giữ vật đứng yên, làm vật nóng lên

Biện pháp làm tăng ma sát: Tăng độ nhám của bề mặt, thay đổi chất liệu tiếp xúc.

III. Vận dụng

C8:

C9:

Ghi nhớ: SGK

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

Học thuộc phần ghi nhớ.

Làm bài tập từ 6.1 → 6.5 (SBT).

Đọc thêm mục “ có thể em chưa biết ”.

5. MÔN HÓA HỌC 8 – TUẦN 7

Bài 10: HOÁ TRỊ (T2)

A. Nội dung bài học:

II. Quy tắc hoá trị:

1. QUI TẮC

2. Vận dụng:

b. Lập công thức hoá học của hợp chất theo hoá trị:

*** Các bước giải:**

- b₁: Viết công thức dạng chung $A_x^a B_y^b$

- b₂: Viết biểu thức qui tắc hóa trị $x.a = y.b$

- b₃: Chuyển thành tỉ lệ $\frac{x}{y} = \frac{b}{a} = \frac{b'}{a'} \Rightarrow x = b$ (hoặc $x = b'$)

$y = a$ (hoặc $y = a'$)

- b₄: Viết CTHH đúng của hợp chất.

Vd 1: lập CTHH của hợp chất tạo bởi nito (IV) và oxi.

Giải:

+ Công thức chung: $N_x^{IV} O_y^{II}$

+ Áp dụng quy tắc hóa trị ta có: $x \cdot IV = y \cdot II$

+ $\frac{x}{y} = \frac{II}{IV} = \frac{1}{2} \Rightarrow x = 1 ; y = 2$

+ Công thức hóa học của hợp chất: NO_2

Vd 2: Lập CTHH của hợp chất gồm:

a/ K^I và CO_3^{II}

b/ Al^{III} và SO_4^{II}

Giải:

a/ -CT chung: $K_x^I (CO_3)_y^{II}$

-Ta có: $x.I = y.II$

$\rightarrow \frac{x}{y} = \frac{II}{I} = \frac{2}{1} \Rightarrow x = 2 ; y = 1$

-Vậy CT cần tìm là: K_2CO_3

b/ Giải tương tự: $Al_2(SO_4)_3$

Chú ý:

-Nếu $a = b$ thì $x = y = 1$

-Nếu $a \neq b$ và $a : b$ tối giản thì:

$$x = b ; y = a$$

-Nếu $a : b$ chưa tối giản thì giản ước để có tỉ lệ $a' : b'$ và lấy: $x = b' ; y = a'$

Vd 3: Lập CTHH của hợp chất gồm:

a/ Na^I và S^{II}

b/ Ca^{II} và PO_4^{III}

c/ S^{VI} và O^{II}

Giải:

a/CT chung $Na_x^I S_y^{II}$

$$\Rightarrow \begin{cases} x = II \\ y = I \end{cases} \quad Na_2S$$

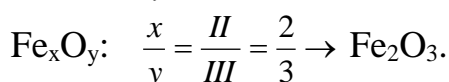
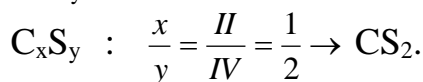
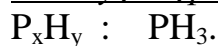
b/ CT chung $Ca_x PO_4$

$$\Rightarrow \begin{cases} x = III \\ y = II \end{cases} Ca_3(PO_4)_2$$

c/ CT chung $S_x O_y$

$$\Rightarrow \begin{cases} x = VI = 3 \\ y = II = 1 \end{cases} SO_3$$

* Bài luyện tập 5:

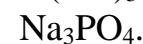


* Bài tập 10.7 (Sbt).

Lập công thức hoá học của những hợp chất tạo bởi 1 nguyên tố và nhóm nguyên tử sau:

* Công thức hoá học như sau:

Ba và nhóm OH



B. Hướng dẫn về nhà:

* Ôn lại các khái niệm đã học, làm các bài tập, ghi nhớ các quy tắc và cách lập CTHH, xem lại các nội dung: biểu diễn CTHH, hoá trị, cách lập CTHH để tiến hành luyện tập.

* Bài tập về nhà: 7, 8 (SGK), 10.7, 10.8 (SBT)

BÀI LUYỆN TẬP 2

A. Nội dung bài học:

I. Các kiến thức cần nhớ:

-CT chung của đơn chất A_n

-CT chung của hợp chất: $A_x B_y$

*Biểu thức:

$a \cdot x = b \cdot y$

với a,b là hóa trị của A, B.

-Vận dụng:

+Tính hóa trị của 1 nguyên tố.

+Lập CTHH của hợp chất khi biết hóa trị

II. Bài tập:

Bài tập 1: Lập CTHH của các hợp chất sau và tính PTK của chúng:

a/ Silic (IV) và Oxi.

b/ Photpho (III) và Hidro.

c/Nhôm (III) và Clo (I).

d/Canxi và nhóm OH.

Giải

a/ $SiO_2 \rightarrow$ PTK: 60 đ.v.C

b/ $\text{PH}_3 \rightarrow \text{PTK}: 34 \text{ đ.v.C}$

c/ $\text{AlCl}_3 \rightarrow \text{PTK}: 133,5 \text{ đ.v.C}$

d/ $\text{Ca(OH)}_2 \rightarrow \text{PTK}: 74 \text{ đ.v.C}$

Bài tập 2: Cho biết CTHH của nguyên tố X với oxi là: X_2O . CTHH của nguyên tố Y với hiđro là YH_2 . (Với X, Y là những nguyên tố chưa biết).

1. Hãy chọn CT đúng cho hợp chất của X và Y trong các CT cho dưới đây:

a. XY_2 b. X_2Y c. XY d. X_2Y_3

2. Xác định X, Y biết rằng:

-Hợp chất X_2O có PTK = 62 đ.v.C

-Hợp chất YH_2 có PTK = 34 đ.v.C

Giải

1/+Trong công thức $\text{X}_2\text{O} \rightarrow \text{X}$ có hóa trị I.

+Trong công thức $\text{YH}_2 \rightarrow \text{Y}$ có hóa trị II.

\rightarrow CTHH của hợp chất: X_2Y .

Vậy câu b đúng.

2/ +Trong công thức X_2O :

$\text{PTK} = 2\text{X} + 16 = 62 \text{ đ.v.C} \rightarrow \text{X} = 23 \text{ đ.v.C}$

Vậy X là natri (Na)

+Trong công thức YH_2 :

$\text{PTK} = \text{Y} + 2 = 34 \text{ đ.v.C} \rightarrow \text{Y} = 32 \text{ đ.v.C}$

Vậy Y là lưu huỳnh (S)

\rightarrow Công thức đúng của hợp chất : Na_2S

Bài tập 3: Hãy cho biết các CT sau đúng hay sai ? Hãy sửa lại CT sai:

AlCl_4 ; Al(OH)_3 ; Al_2O_3 ; $\text{Al}_3(\text{SO}_4)_2$

Giải

+Công thức đúng: Al(OH)_3 ; Al_2O_3

+Công thức sai \rightarrow Sửa lại:

$\text{AlCl}_4 \rightarrow \text{AlCl}_3$; $\text{Al}_3(\text{SO}_4)_2 \rightarrow \text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$

Bài tập 4:Viết Công thức của đơn chất và hợp chất có PTK hoặc NTK là:

a/ 64 đ.v.C

c/ 160 đ.v.C

b/ 80 đ.v.C

d/ 142 đ.v.C

Giải

a/ Cu ; SO_2

c/ Br_2 ; CuSO_4

b/ SO_3 ; CuO

d/ Na_2SO_4 ; P_2O_5

B. Hướng dẫn về nhà:

* Học bài.

* Bài tập về nhà: 1,2,3,4 SGK/ 41

* Xem trước bài 12

6. MÔN SINH HỌC 8 – TUẦN 7

CHƯƠNG III: TUẦN HOÀN

BÀI 13: MÁU VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG CƠ THỂ

I. Máu :

1. Tìm hiểu thành phần cấu tạo của máu : Máu gồm:

+ Huyết tương 55%.

+ Tế bào máu: 45% gồm hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu.

2. Tìm hiểu chức năng của huyết tương và hồng cầu :

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 7

- Trong huyết tương có nước (90%), các chất dinh dưỡng, hoocmon, kháng thể, muối khoáng, các chất thải...(10%)
- Huyết tương có chức năng:
 - + Duy trì máu ở thể lỏng để lưu thông dễ dàng.
 - + Vận chuyển các chất dinh dưỡng, các chất cần thiết và các chất thải.
- Hồng cầu có Hb có khả năng kết hợp với O₂ và CO₂ để vận chuyển O₂ từ phổi về tim tới tế bào và vận chuyển CO₂ từ tế bào đến tim và tới phổi.

II. Môi trường trong cơ thể :

- Môi trường bên trong gồm: máu, nước mô và bạch huyết.
- Môi trường trong giúp tế bào thường xuyên liên hệ với môi trường ngoài trong quá trình trao đổi chất.

BÀI 14: BẠCH CẦU - MIỄN DỊCH

I. Các hoạt động chủ yếu của bạch cầu:

- Khi vi khuẩn, virus xâm nhập vào cơ thể, các bạch cầu bảo vệ cơ thể bằng cách tạo nên 3 hàng rào bảo vệ:
 - + Sự thực bào: bạch cầu trung tính và bạch cầu mô nô (đại thực bào) bắt và nuốt các vi khuẩn, virus vào trong tế bào rồi tiêu hoá chúng.
 - + Limpho B : tiết ra kháng thể vô hiệu hoá kháng nguyên.
 - + Limpho T : phá huỷ các tế bào cơ thể bị nhiễm vi khuẩn, virus bằng cách tiết ra các prôtêin đặc hiệu (kháng thể) làm tan màng tế bào bị nhiễm để vô hiệu hoá kháng nguyên.
- Lưu ý: bạch cầu ưa axit và ưa kiềm cũng tham gia vào vô hiệu hoá vi khuẩn, virus nhưng với mức độ ít hơn.

II. Miễn dịch:

1. Khái niệm:

- Miễn dịch là khả năng cơ thể không bị mắc 1 bệnh nào đó mặc dù sống ở môi trường có vi khuẩn, virus gây bệnh.

2. Phân loại:

- Có 2 loại miễn dịch:
 - + Miễn dịch tự nhiên: Tự cơ thể có khả năng không mắc 1 số bệnh (miễn dịch bẩm sinh) hoặc sau 1 lần mắc bệnh ấy (miễn dịch tập nhiễm).
 - + Miễn dịch nhân tạo: do con người tạo ra cho cơ thể bằng tiêm chủng phòng bệnh hoặc tiêm huyết thanh.

7. MÔN LỊCH SỬ 8 – TUẦN 7

Bài 6 CÁC NƯỚC ANH, PHÁP, ĐỨC, MỸ CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẦU THẾ KỈ XX (Tiết 2)

I. Tình hình các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ.

3. Đức.

a. Kinh tế.

- Từ năm 1871 công nghiệp Đức phát triển nhanh chóng, vươn lên đứng đầu châu Âu và thứ hai thế giới sau Mỹ.
- Nhiều công ty độc quyền ra đời nhất là luyện kim, than đá, sắt thép... chi phối nền kinh tế Đức.

b. Chính trị.

- Là nước quân chủ lập hiến, theo thể chế liên bang.

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 7

- Đức thi hành chính sách đối nội, đối ngoại phản động: đàn áp phong trào công nhân, tích cực chạy đua vũ trang, gây chiến tranh chia lại thị trường thế giới.
- Chủ nghĩa đế quốc Đức là “ chủ nghĩa đế quốc quân phiệt hiếu chiến”.

4. Mĩ:

a. Kinh tế:

- Từ sau năm 1870, công nghiệp Mĩ phát triển mạnh, vươn lên đứng đầu thế giới, sản lượng công nghiệp Mĩ gấp đôi Anh và gấp ½ các nước Tây Âu gộp lại.
- Nhiều công ti độc quyền ra đời đã chi phối toàn bộ nền kinh tế Mĩ.

b. Chính trị:

- Mĩ theo chế độ cộng hoà đứng đầu là Tổng thống.
- Đảng Cộng hòa và Đảng Dân chủ thay nhau cầm quyền, thi hành chính sách đối nội và đối ngoại phục vụ cho giai cấp tư sản.

Bài 9

ẤN ĐỘ THẾ KỈ XVIII – ĐẦU THẾ KỈ XX

I. Sự xâm lược và chính sách thống trị của Anh.

- Đầu thế kỉ XVIII Ấn Độ trở thành thuộc địa của Anh.
- Chúng đã thi hành chính sách thống trị, bóc lột tàn bạo như: chia để trị, chia rẽ tôn giáo, dân tộc...
- Mâu thuẫn dân tộc gay gắt - > đấu tranh.

II. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Ấn Độ.

a. Khởi nghĩa Xi-pay (1857-1859):

- Nguyên nhân: binh lính Xi-pay bất mãn với chính sách thống trị hà khắc của thực dân Anh.
- Ý nghĩa: tiêu biểu cho tinh thần bất khuất của nhân dân Ấn Độ chống chủ nghĩa thực dân.

b. Hoạt động của Đảng Quốc đại:

- 1885 thành lập Đảng Quốc Đại.
- Mục đích: đấu tranh chống Anh giành quyền tự chủ, phát triển kinh tế dân tộc.

c. Khởi nghĩa Bom-bay:

- Tháng 7/1908 công nhân Bom-bay tổ chức nhiều cuộc bãi công chính trị.
- Ý nghĩa: phong trào tuy thất bại nhưng đã đặt cơ sở cho các thắng lợi sau này.

8. MÔN ĐỊA LÝ 8 – TUẦN 7

Bài 6: THỰC HÀNH

ĐỌC, PHÂN TÍCH LƯỢC ĐỒ PHÂN BỐ DÂN CƯ VÀ CÁC THÀNH PHỐ LỚN CỦA CHÂU Á

Bài 1: Phân bố dân cư Châu Á

MĐ dân số	Nơi phân bố	Chiếm DT	Đặc điểm tự nhiên (Địa hình, sông ngòi, khí hậu)
< 1 người/km ²	Bắc LB Nga, Tây Trung Quốc, Arập Xê-út, Á-pa-ni-xtan, Pa-kix-tan.	Diện tích lớn nhất.	- Khí hậu lạnh, khô. - Địa hình rất cao, đồ sộ hiểm trở. - Mạng lưới sông rất thưa.
1-50 người/km ²	- Nam LB Nga, phần lớn bán đảo Trung Ấn, khu	Diện tích khá.	- Khí hậu: ôn đới lục địa và nhiệt đới khô.

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 7

	vực Đông Nam Á. - Đông Nam Thổ Nhĩ Kỳ, I-Ran.		- Địa hình đồi núi cao nguyên cao. - Mạng lưới sông thưa
51-100 người/km ²	- Ven Địa Trung Hải, Trung Tâm Ấn Độ. - Một số đảo In-đô-nê-xi-a. - Trung Quốc.	Diện tích nhỏ.	- Khí hậu ôn hoà, có mưa. - Địa hình đồi núi thấp. - Lưu vực các sông lớn
> 100 người/km ²	Ven biển Nhật Bản, Đông Trung Quốc ven biển Việt Nam, Nam Thái Lan ven biển Ấn Độ, một số đảo In-đô...	Diện tích rất nhỏ.	- Khí hậu: ôn đới hải dương và nhiệt đới gió mùa. - Mạng lưới sông dày, nhiều nước. - Đồng bằng châu thổ ven biển rộng. - Khai thác lâu đời, tập trung nhiều đô thị lớn.

Bài 2: Các thành phố lớn ở châu Á (HS tự làm)

- Các thành phố lớn, đông dân của châu Á tập trung ven biển 2 đại dương lớn, nơi có các đồng bằng châu thổ màu mỡ, rộng lớn. Khí hậu nhiệt đới ôn hoà có gió mùa hoạt động. Thuận lợi cho sinh hoạt đời sống, giao lưu, phát triển giao thông. Điều kiện tốt cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, nhất là nền nông nghiệp lúa nước.

Bài tập: Chọn câu đúng nhất

Câu 1: Dựa vào hình 6.1 cho biết khu vực có mật độ dân số dưới 1 người/km² chiếm diện tích

- A. nhỏ. B. vừa. C. lớn. D. Rất lớn.

Câu 2: Các vùng ven Địa Trung Hải và trung tâm Ấn Độ có mật độ dân số

- A. dưới 1 người/km². B. từ 1 đến 50 người/km².
C. từ 50 đến 100 người/km². D. trên 100 người/km².

Câu 3: Khu vực có mật độ dân số trên 100 người/km² thường là những nơi

- A. vùng núi B. dọc theo ven biển.
C. giao thông thuận tiện. D. có đồng bằng màu mỡ..

Câu 4: Các khu vực có mật độ dân số từ 1 đến 50 người/km² là

- A. Đông Á. B. Đông Nam Á.
C. I-ran. D. Đông Nam Thổ Nhĩ Kỳ.

Câu 5: Khu vực có mật độ dân số lớn nhất (trên 100 người/km²) là khu vực

- A. Bắc Á. B. phía Đông Trung Quốc.
C. một số đảo ở In-đô-nê-xi-a. D. ven biển Việt Nam, Nam Thái Lan.

Hướng dẫn về nhà:

- Xem lại 1- 6 để tiết sau ôn tập.
- Viết một bài văn thuyết trình giới thiệu về địa lí tự nhiên, dân cư- xã hội châu

Á

9. MÔN CÔNG NGHỆ 8 – TUẦN 7

Tiết 13- Bài 13: BẢN VẼ LẮP (tt)

II. Đọc bản vẽ lắp

Trình tự đọc	Nội dung cần hiểu	Bản vẽ lắp của vòng đai
1. Khung tên	- Tên gọi chi tiết - Vật liệu - Tỷ lệ	Bộ vòng đai 1: 2
2. Bảng kê	Tên gọi chi tiết và số lượng chi tiết	- Vòng đai (2) - Đai ốc (2) - Vòng đệm (2) - Bu lông (2)
3. Hình biểu diễn	- Tên gọi hình chiếu - Vị trí hình cắt	- Hình chiếu bằng - Hình chiếu đứng có cắt cục bộ
4. Kích thước	- KT chung (2) - KT lắp giữa các chi tiết(3) - KT xác định khoảng cách giữa các chi tiết	- 140, 50, 78 - M10 - 50, 110
5. PT chi tiết	Vị trí giữa các chi tiết (4)	Tô màu các chi tiết h 13.3
6. Tổng hợp	-Thứ tự tháo, lắp (4) - CD của SP	- Tháo chi tiết 2 – 3 – 4 - 1 - Lắp chi tiết 1- 4 – 3 – 2 - Ghép nối chi tiết với chi tiết khác

Tiết 14: BẢN VẼ NHÀ

I. Nội dung của bản vẽ nhà

- Bản vẽ nhà là bản vẽ xây dựng thường dùng
- Bản vẽ nhà gồm các hình biểu diễn và các số liệu, cấu tạo của ngôi nhà
- Bản vẽ nhà được dùng trong thiết kế và thi công xây dựng ngôi nhà
- Nội dung của bản vẽ nhà:
 - + Mặt bằng: Là hình cắt mặt bằng của ngôi nhà, nhằm diễn tả vị trí, kích thước các tường, vách, cửa đi, cửa sổ, các thiết bị đồ đạc..., mặt bằng là hình biểu diễn quan trọng nhất của bản vẽ nhà
 - + Mặt đứng: Là hình chiếu vuông góc các mặt ngoài của ngôi nhà lên mặt phẳng chiếu đứng hoặc mặt phẳng chiếu cạnh, nhằm biểu diễn hình dạng bên ngoài gồm các mặt chính, mặt bên
 - + Mặt cắt: Là hình cắt có mặt phẳng cắt song song với mặt phẳng chiếu đứng, mặt phẳng chiếu cạnh, nhằm biểu diễn các bộ phận, kích thước của ngôi nhà theo chiều cao.

II. Kí hiệu qui ước một số bộ phận của ngôi nhà(SGK)

II. Đọc bản vẽ nhà

1. K tên	- Tên gọi chi tiết - Tỷ lệ	- Nhà một tầng - 1:100
2.Hình biểu diễn	- Tên gọi chiếu -Tên gọi mặt cắt	- Mặt đứng - Mặt cắt A - A, Mặt bằng

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 7

3. Kích thước	-KT chung (2) - KT từng bộ phận	- 6300, 4800, 4800 - Phòng SH chung (4800 x 2400) + (2400 x 600) - Phòng ngủ: 2400 x 2400 - Hiên rộng 1500 x 2400 - Nền cao: 600 - Tường cao: 2700 - Mái cao 1500
4. Các bộ phận	- Số phòng - Số cửa đi và số cửa sổ - Các bphận khác	- 3 phòng - 1 cửa đi hai cánh, 6 cửa sổ đơn - Một hiên có lan can

10. MÔN GDCD 8 – TUẦN 7

Chủ đề : Tuân thủ theo kỉ luật và pháp luật (T3)

Bài 21 : Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

I. Phần nội dung bài học HS ghi vào vở :

1. Pháp luật là gì?

PL là qui tắc xử sự chung, có tính bắt buộc, do NN ban hành, được NN bảo đảm thực hiện bằng các biện pháp giáo dục, thuyết phục, cưỡng chế.

2. Đặc điểm của PL:

a. Tính quy phạm phổ biến :

- Các quy định của pháp luật là thước đo hành vi của mọi người trong xã hội quy định khuôn mẫu, những quy tắc xử sự chung mang tính phổ biến.

b. Tính xác định chặt chẽ :

- Các điều luật được quy định rõ ràng, chính xác, chặt chẽ, thể hiện trong các văn bản pháp luật.

c. Tính bắt buộc (tính cưỡng chế)

- Pháp luật do Nhà nước ban hành, mang tính quyền lực Nhà nước, bắt buộc mọi người đều phải tuân theo, ai vi phạm sẽ bị Nhà nước xử lí theo quy định.

3. Bản chất của PLVN:

Thể hiện ý chí của giai cấp công nhân và nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng CSVN; thể hiện quyền làm chủ của nhân dân VN trên tất cả các lĩnh vực của đời sống XH.

4. Vai trò của PLVN:

PL là công cụ để thực hiện quản lí nhà nước, quản lí kinh tế, văn hóa, XH; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn XH; là phương tiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của CD, bảo đảm công bằng XH.

5. Trách nhiệm của CD-HS:

- Tuân theo HP, PL

- Tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn XH, giữ gìn bí mật quốc gia.

- Chấp hành những nguyên tắc sinh hoạt trong cộng đồng và nhắc nhở mọi người cùng thực hiện.

11. MÔN TIN HỌC 8 – TUẦN 7

Bài 4: SỬ DỤNG BIẾN TRONG CHƯƠNG TRÌNH

1. Biến là công cụ lập trình

- Biến là một công cụ lập trình rất quan trọng để chương trình luôn biết chính xác dữ liệu cần xử lý được lưu ở vị trí nào trong bộ nhớ.
- Giá trị biến là dữ liệu do biến lưu trữ. Giá trị biến thay đổi được trong khi thực hiện chương trình.

Ví dụ 1 : X:= 5

Trong đó: X: là biến
5 : là giá trị của biến

2. Khai báo biến

Tất cả các biến dùng trong chương trình cần phải được khai báo ngay trong phần khai báo của chương trình.

Việc khai báo biến bao gồm:

- ✓ Khai báo tên biến(tên biến do người lập trình đặt nhưng phải tuân theo ngôn ngữ lập trình);
- ✓ Khai báo kiểu dữ liệu của biến.
- ✓ Từ khoá khai báo biến là: Var

Var tên biến: kiểu dữ liệu;

Ví dụ 2: Var n, m : integer;

Trong ví dụ trên:

- Var là từ khoá
- n,m là tên các biến
- integer là kiểu dữ liệu.

3. Sử dụng biến trong chương trình

Các thao tác có thể thực hiện với biến :

- Gán giá trị cho biến.
- Tính toán với giá trị của biến.
- Cú pháp của câu lệnh gán trong ngôn ngữ lập trình:
Tên biến ← Biểu thức cần gán giá trị cho biến.

Trong pascals Sử dụng phép gán :=

Tên biến := biểu thức

Ví dụ 3:

i := i + 2(biến i nhận giá trị bằng giá trị hiện thời của i cộng thêm 2)

4. Hằng

Hằng là đại lượng không đổi trong suốt quá trình thực hiện chương trình.

Cách khai báo hằng:

Const tên hằng = giá trị;

Ví dụ 4: Const x=3;

Trong ví dụ trên:

- Const là từ khoá
- X là tên hằng.

Làm bài tập 1,2,3,4,5,6 SGK trang 32,33.

12. MÔN ÂM NHẠC 8 – TUẦN 7

Tiết 7: ÔN TẬP

I. Ôn tập hai bài hát:

- Mùa thu ngày khai trường
- Lí đĩa bánh bò

II. Ôn tập nhạc lí:

Gam thứ, giọng thứ, giọng La thứ

III. Ôn tập Tập đọc nhạc:

TĐN số 2, số 2

13. MÔN MỸ THUẬT 8 – TUẦN 7

BÀI 8: VẼ THEO MẪU

VẼ TÍNH VẬT (LỌ VÀ QUẢ)

(Tiết 2 – Vẽ màu)

I. Quan sát, nhận xét:

- Màu sắc chính của mẫu (lọ, quả, nền)
- Các độ đậm nhạt của mẫu

II. Cách vẽ:

- Nhìn mẫu để phác hình
- Phác các mảng màu đậm, nhạt chính ở lọ, quả, nền.
- Vẽ màu, điều chỉnh cho sát với mẫu.

III. Thực hành:

Vẽ tính vật: Lọ và quả (vẽ màu)

14. MÔN THỂ DỤC 8 – TUẦN 7

Bài học : BÀI THỂ DỤC - CHẠY NGẮN – CHẠY BỀN

NỘI DUNG:

- **Bài thể dục:** Ôn và hoàn thiện từ nhịp 1- 35.
- **Chạy ngắn:** Ôn: Tư thế sẵn sàng - xuất phát. Trò chơi: “ Chạy đuổi ”. Tập luyện hoàn chỉnh: Xuất thấp - chạy lao- chạy giữa quãng- chạy về đích (60m).
- **Chạy bền:** Chạy bền trên địa hình tự nhiên.

NỘI DUNG BÀI HỌC

1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC :

***Nội dung 1 :Bài thể dục:**

- Ôn : Từ nhịp 1-35

***Nội dung 2 : Chạy ngắn:** ôn tập

- Tư thế sẵn sàng - xuất phát.
- Tập luyện hoàn chỉnh: Xuất thấp - chạy lao- chạy giữa quãng- chạy về đích (60m).
- Trò chơi: “ Chạy lò cò tiếp sức ”.

*** Nội dung 3 : Chạy bền:**

Chạy trên địa hình tự nhiên

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 7

2. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

*Nội dung 1 :*Bài thể dục*:

- Ôn tập : từ nhịp 1- 35 (nhóm 2)
- + yêu cầu : chỉ huy nhóm tập thay đổi phương hướng tập luyện và chia nhỏ nhóm ra để tự ôn tập.

*Nội dung 2 : *Chạy ngắn*: ôn tập

- + Bài tập 1 : tư thế sẵn sàng – xuất phát
- + Bài tập 2 : tập luyện hoàn chỉnh : 4 giai đoạn của chạy ngắn.
- + Bài tập 3 : trò chơi : lò cò tiếp sức

* Nội dung 3 : *Chạy bền*:

- luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên:
Chạy quanh sân tập , cự li từ 800m Nữ – 1000m Nam

3. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

- Về nhà ôn tập, luyện tập thêm để hoàn thiện kỹ thuật chạy ngắn , ôn 35 động tác bài thể dục , chuẩn bị tốt nhất cho tiết sau kiểm tra.

Bài học : KIỂM TRA : BÀI THỂ DỤC

NỘI DUNG:

- *Bài thể dục*: Kiểm tra bài thể dục (35 nhịp)

NỘI DUNG BÀI HỌC

1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

- Nội dung : kiểm tra BTĐ
+ Từ nhịp 1 - 35
- GV hướng dẫn HS cách thức tổ chức kiểm tra, các qui định – yêu cầu khi thực hiện bài kiểm tra

2. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

*Nội dung :*Bài thể dục*:

* Cách xếp loại :

- Xếp loại kiểm tra theo mức độ thực hiện từng động tác của học sinh:
 - Loại ĐẠT (Đ): Có không quá 3 nhịp thực hiện sai.
 - Loại CHƯA ĐẠT (CĐ): Thực hiện sai từ 4 nhịp trở lên.
- GV tiến hành gọi tên HS lên thực hiện bài kiểm tra, đủ 35 nhịp.

3. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

- Về nhà ôn tập, luyện tập thêm toàn bộ 4 giai đoạn kỹ thuật chạy ngắn và vẫn tập luyện BTĐ hằng ngày để rèn luyện sức khỏe.